

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH VÀ CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH**

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH



Địa chỉ: Thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0232. 3996215

Fax: 0232. 3996211

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3941 2626

Fax: (84-4) 3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3.944.6666

Fax: (04) 3.944.8071

Quảng Bình, năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ	5
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN Đ ĐẦU.....	7
I. ĐƠN VỊ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN.....	7
II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN	7
III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN	7
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	7
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	9
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	9
1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	9
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	9
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	10
4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu và địa bàn hoạt động	10
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình.....	11
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần	18
7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 20	
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	23
9. Danh sách công ty mẹ và công ty con	Error! Bookmark not defined.
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 năm trước khi cổ phần hóa.....	32
11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa	37
12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa.....	38
13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	39
II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	41
1. Mục tiêu cổ phần hóa	41
2. Điều kiện cổ phần hóa	41
3. Hình thức cổ phần hóa.....	42
4. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần.....	42
5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa	43
6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	43
III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA	46
1. Mục tiêu phát triển sản xuất	46
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 - 2021.....	48

3.	Kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản sau cổ phần hóa	49
4.	Kế hoạch sử dụng lao động 05 năm sau cổ phần hóa.....	50
5.	Biện pháp thực hiện sau cổ phần hóa	50
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN		57
I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN.....		57
1.	Rủi ro về kinh tế	57
2.	Rủi ro pháp lý	58
3.	Rủi ro đặc thù	58
4.	Rủi ro của đợt chào bán.....	59
5.	Rủi ro khác.....	59
II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN		59
1.	Đối tượng mua cổ phần	59
2.	Cổ phần Nhà nước nắm giữ.....	Error! Bookmark not defined.
3.	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động.....	59
4.	Cổ phần bán cho Công đoàn.....	61
5.	Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược	Error! Bookmark not defined.
6.	Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài	61
7.	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	62
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA.....		62
IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN		63
1.	Đại diện Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp của tỉnh	63
2.	Đại diện Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình	64
3.	Đại diện Tổ chức tư vấn	64
V. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH – QUẢNG BÌNH.....		64

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Danh sách lao động tại thời điểm ban hành QĐ phê duyệt giá trị doanh nghiệp	18
Bảng số 2: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	19
Bảng số 3: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015	20
Bảng số 4: Tổng hợp diện tích đất Công ty quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa	Error! Bookmark not c
Bảng số 5: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015	27
Bảng số 6: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2015	27
Bảng số 7: Tình hình máy móc, thiết bị tính vào Giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2015	29
Bảng số 8: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm 31/12/2015	Error! Bookmar
Bảng số 9: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2013 – 2016	32
Bảng số 10: Lợi nhuận gộp của Công ty	34
Bảng số 11: Cơ cấu Chi phí sản xuất giai đoạn 2013 - 2016	34
Bảng số 12: Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	36
Bảng số 13: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa	37
Bảng số 14: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	42
Bảng số 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2017 - 2021	48
Bảng số 16: Kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản sau cổ phần hóa	49
Bảng số 17: Kế hoạch sử dụng lao động 05 năm sau cổ phần hóa	50
Bảng số 18: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa	62

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa	10
Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức Công ty sau khi cổ phần hóa	44

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 59/2011/NĐ - CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ - CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT - BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 115/2016/TT - BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 196/2011/TT - BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT - BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 38/2010/TT - BLĐT BXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT - BLĐT BXH ngày 20/11/2012 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ - CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Công văn số 03/UBND - KTN ngày 05/01/20 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc triển khai thực hiện thông báo số 389/TB - VPCP ngày 27/11/2015 của Văn phòng Chính phủ, đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước;
- Quyết định số 3472/QĐ - UBND ngày 03/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình;

- Quyết định số 3788/QĐ - UBND ngày 28/12/2015 về việc thực hiện cổ phần hoá công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước;
- Quyết định số 1674/QĐ - UBND ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Phương án giải quyết lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình;
- Quyết định số 1126/QĐ - UBND ngày 15/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình;
- Quyết định số 94/QĐ - UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình;
- Quyết định số 1353/QĐ - UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành tiêu chí phân loại vườn cây cao su trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để sắp xếp, chuyển đổi các công ty nông, lâm nghiệp;
- Quyết định số 3530/QĐ - UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt suất đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình;
- Quyết định số 583/QĐ - UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình;
- Quyết định số 1329/QĐ - UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình thành công ty cổ phần.

**PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN
LẦN ĐẦU**

I. ĐƠN VỊ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3941 2626
- Fax: (84-4) 3934 7818

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH-QUẢNG BÌNH

- Địa chỉ: Thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.
- Điện thoại: 0232.3996215
- Fax: 0232.3996211

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại: (04) 3.944.6666
- Fax: (04) 3.944.8071

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. “*Công ty*”: Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình
2. “*Cổ phần*”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
3. “*Cổ phiếu*”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
4. “*Cổ đông*”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
5. “*Cổ tức*”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
6. “*Vốn điều lệ*”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

CTCP

Công ty cổ phần.

Công ty TNHH MTV

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
GĐ	Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	Ủy ban Nhân dân
CPH	Cổ phần hóa
DN	Doanh nghiệp
GTDN	Giá trị doanh nghiệp

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỆ NINH - QUẢNG BÌNH.
- Tên giao dịch tiếng Anh: LENINH QUANG BINH COMPANY LIMITED.
- Trụ sở chính tại: Thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.
- Điện thoại: 0232.3996215
- Fax: 0232.3996211
- Website: www.leninh.vn
- Vốn điều lệ thực góp: 83.894.608.460 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ, tám trăm chín mươi tư triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn bốn trăm sáu mươi đồng*).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 01/07/2010 và cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 13/10/2016.
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Nguyễn Ngọc Sơn – Giám đốc công ty

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình tiền thân là Nông trường Quốc doanh Lệ Ninh được thành lập ngày 24/12/1960 trên cơ sở hợp nhất 36 tập đoàn sản xuất Miền Nam với mục đích chủ yếu là trồng và sản xuất cây cao su, hồ tiêu, một số loại cây ngắn ngày và chăn nuôi đại gia súc.

Ngày 10/4/1998, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 06/1998/QĐ-UBND thành lập Công ty cao su Lệ Ninh trên cơ sở Nông trường Lệ Ninh với chức năng nhiệm vụ chính: Tổ chức sản xuất, kinh doanh cao su, cung cấp giống, kỹ thuật, trồng mới, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm mủ cao su, tổ chức thực hiện các dự án nông, lâm nghiệp theo hướng kinh doanh tổng hợp, khai thác tiềm năng đất đai và lao động do Công ty quản lý theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Ngày 21/12/2004, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 91/2004/QĐ-UBND đổi tên Công ty cao su Lệ Ninh thành Công ty Lệ Ninh để phù hợp với quy mô sản xuất và đa dạng hóa ngành nghề.

Ngày 29/6/2010, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 1471a/QĐ-UBND, về việc chuyển Công ty Lệ Ninh thành Công ty TNHH một thành viên Lệ Ninh - Quảng Bình do UBND tỉnh làm chủ sở hữu 100% vốn Nhà nước. Kể từ ngày 01/7/2010, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình hoạt động theo Luật

Doanh nghiệp.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su; Buôn bán mủ cao su;
- Khảo sát, thiết kế, lập, thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật - dự toán, giám sát và thi công các công trình liên quan đến trồng mới và chăm sóc cao su;
- Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Chế biến gỗ cao su, gỗ rừng trồng;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống;
- Sản xuất nước lọc tinh khiết;
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu và địa bàn hoạt động

4.1. Sản phẩm chính

Sản phẩm chính của Công ty là cao su thiên nhiên sơ chế dạng khối, với các chủng loại SVR 3L, SVR 5, SVR 10, phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3769:2004). Sản phẩm do Nhà máy chế biến mủ cao su trực thuộc Công ty chế biến sản xuất có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm của Công ty khá đa dạng, có thể mạnh đối với sản phẩm SVR 3L, SVR 5, SVR 10 là những sản phẩm đạt chất lượng cao dành cho các thị trường khó tính. Chất lượng sản phẩm được các khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.

Chủng loại mủ cao su	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng trong chế biến (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng trong chế biến (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng trong chế biến (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng trong chế biến (%)
SVR 3L	1.215,2	83,36	639,3	80,49	790	78,76	813,8	79,51
SVR V5	0	0	3,4	0,43	2	0,2	0,2	0,02
SVR V10	242,6	16,64	151,6	19,08	211	21,04	209,5	20,47
Tổng cộng	1.457,8	100	794,3	100	1.003	100	1.023,5	100

4.2. Sản phẩm phụ

Sản phẩm phụ của Công ty gồm: Phân bón vi sinh; thịt lợn hơi, lợn giống; thức ăn chăn nuôi; nước lọc tinh khiết.

- Phân bón hữu cơ vi sinh do Công ty sản xuất chủ yếu là để cung cấp nội bộ bón cho vườn cao su của Công ty. Công suất sản xuất thực tế 2.000-2.500 tấn/năm.
- Thịt lợn hơi, con giống: Với quy mô đàn lợn nái duy trì có mặt thường xuyên 300 con cấp ông, bà. Sản phẩm cung cấp ra thị trường trong và ngoài tỉnh chủ yếu là thịt lợn hơi và lợn giống được khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.
- Thức ăn chăn nuôi chủ yếu là cung cấp cho đàn lợn của Công ty, chất lượng đảm bảo theo quy định. Công suất sản xuất thực tế: 2.000 tấn/năm.
- Nước lọc tinh khiết đóng chai chủ yếu cung cấp cho CBCNV, người lao động của Công ty và tiêu thụ trên địa bàn, công suất sản xuất bình quân: 1,5 triệu lít/năm.

4.3. Địa bàn hoạt động

Công ty TNHH một thành viên Lệ Ninh-Quảng Bình là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động trên địa bàn Thị trấn Nông trường Lệ Ninh tỉnh Quảng Bình, xã Sơn Thủy, xã Phú Thủy, xã Ngân Thủy huyện Lệ Thủy; xã Vạn Ninh huyện Quảng Ninh, phường Phú Hải thành phố Đồng Hới. Trong đó, Công ty trồng cao su và giao khoán cho các hộ trồng rừng để trồng cây cao su chủ yếu tại địa bàn xã Sơn Thủy, xã Phú Thủy, Ngân Thủy huyện Lệ Thủy, và thị trấn Nông trường Lệ Ninh.

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình

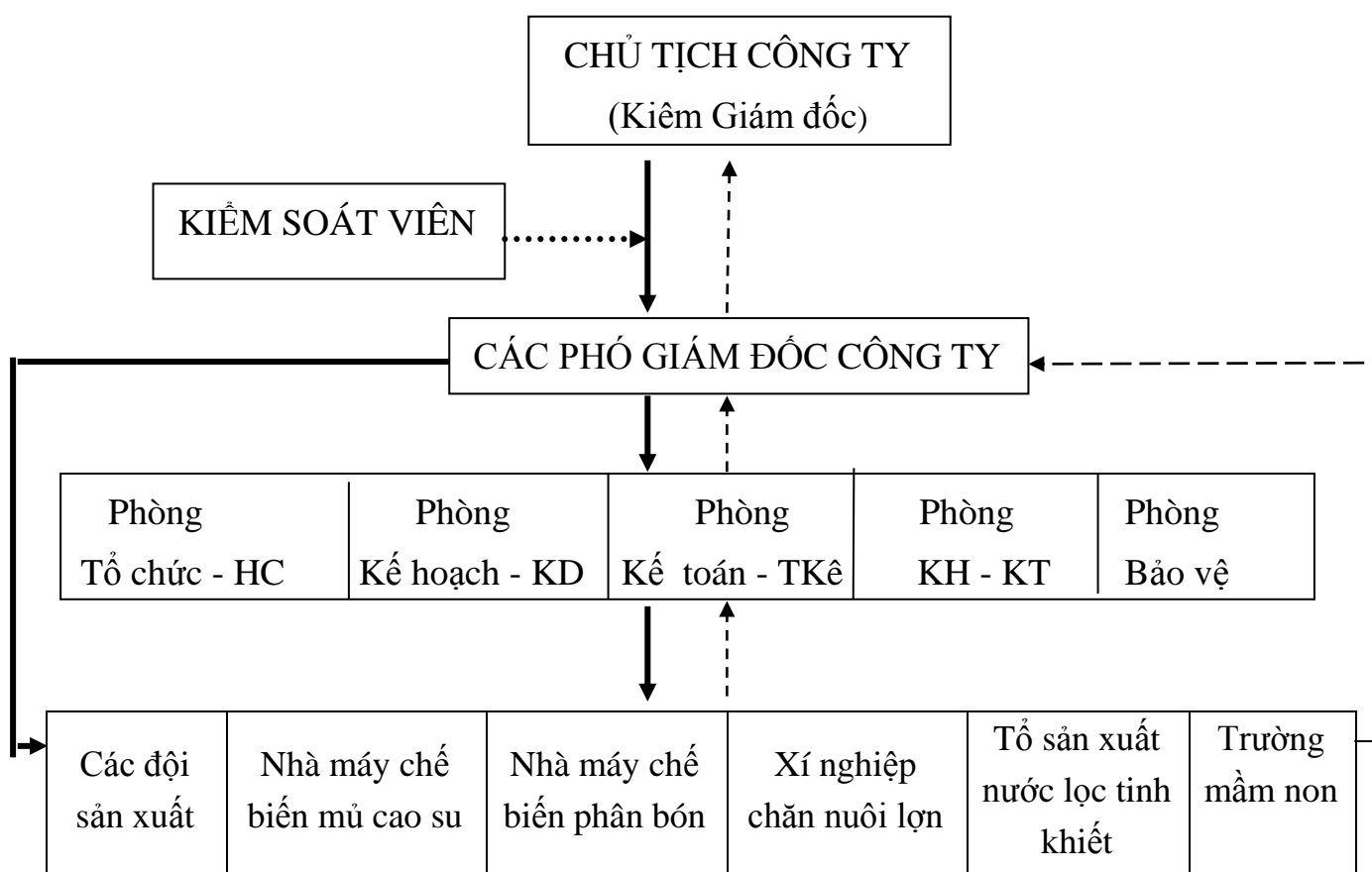
5.1. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay theo mô hình Công ty TNHH một thành viên, gồm có:

- Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc;
- Kiểm soát viên;
- Các phó Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Bộ máy giúp việc gồm:
 - + Phòng Tổ chức-Hành chính;
 - + Phòng Kế toán-Thống kê;
 - + Phòng Kế hoạch-Kinh doanh;
 - + Phòng Khoa học Kỹ thuật;
 - + Phòng Bảo vệ.
- Các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty:

- + Các Đội sản xuất cây cao su, gồm: Đội 1, 2, 3, 4, 5, 10, 19/8, Quyết Tiến, Phú Cường;
- + Nhà máy Chế biến mủ cao su;
- + Nhà máy Chế biến phân bón;
- + Xí nghiệp chăn nuôi lợn;
- + Tổ sản xuất nước lọc tinh khiết;
- + Trường mầm non.

Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình)

5.2. Chức năng, nhiệm vụ các phòng trong Công ty

5.2.1. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc

Là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Quảng Bình (chủ sở hữu), trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty. Có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu.

5.2.2. Kiểm soát viên Công ty

Kiểm tra, giám sát việc quản lý và điều hành của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty và các đơn vị thành viên trực thuộc.

5.2.3. Các Phó Giám đốc Công ty

Phó Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.

5.2.4. Kế toán trưởng Công ty

Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty; giúp Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

5.2.5. Bộ máy giúp việc gồm

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc trong quản lý điều hành Công ty cũng như trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, của người lao động.

Công ty có 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc như sau:

❖ *Phòng Tổ chức - Hành chính:*

Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp về lĩnh vực tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công nhân viên chức lao động; đào tạo; thi đua khen thưởng; lao động tiền lương, tiền công; việc làm, đào tạo nghề cho người lao động; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; an toàn, vệ sinh lao động; hành chính - quản trị, lễ tân khánh tiết, thư ký - tổng hợp, văn thư lưu trữ, công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

❖ *Phòng Kế hoạch - Kinh doanh:*

- Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp về công tác kế hoạch, kinh doanh, quản lý đất đai, môi trường, quản lý chất lượng sản phẩm, đầu tư và xây dựng cơ bản;
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ của Công ty xây dựng quy hoạch, định hướng chiến lược phát triển, các kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm (kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, giá thành; cung ứng nguyên, nhiên vật liệu, máy móc thiết bị,...) của Công ty. Hướng dẫn các đơn vị xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển phù hợp với từng thời kỳ phát triển theo mục tiêu Công ty đặt ra. Theo dõi, kiểm tra và đề xuất các biện pháp thúc đẩy việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được Công ty xác định;
- Hàng năm, cùng với các phòng nghiệp vụ Công ty và các đơn vị trực thuộc xây dựng đồng bộ các kế hoạch: Kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch hoạch vật tư, kế hoạch sản xuất- nghiên cứu kỹ thuật, kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch xây dựng tiền lương, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm,...;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty giao kế hoạch và xét duyệt mức độ hoàn thành kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. Giúp Lãnh đạo Công ty kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, phát hiện các vấn đề và đề xuất giải quyết;
- Lập và quản lý các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc mua, bán vật tư, máy móc thiết bị và sản phẩm mủ cao su, cây cao su,...; hợp đồng giao nhận khoán đất trồng rừng sản xuất, cây ngắn ngày,...;
- Quản lý, theo dõi việc xuất - nhập vật tư, hàng hóa; thực hiện việc báo cáo sản phẩm cao su sản xuất, tiêu thụ và tồn kho theo định kỳ: ngày, tuần, tháng, quý, năm và đột xuất khi có yêu cầu của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc;
- Theo dõi, quản lý, kiểm tra tình hình quản lý sử dụng đất đai trong Công ty; quản lý môi trường, quản lý chất lượng sản phẩm và ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật; Theo dõi việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008;
- Tham gia giám định hiện trạng, lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các loại máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc quyết định đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng cơ bản cũng như các công trình, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, đời sống CBCNV;
- Thiết kế, lập dự toán hoặc thẩm định các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình (đối với các công trình có giá trị xây lắp lớn phải thuê ngoài thiết kế); tham mưu trong việc lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu xây lắp; quản lý chất lượng công trình; giám sát thi công các công trình XD CB và tham gia nghiệm thu, đề xuất thanh toán các hạng mục cũng như toàn bộ công trình khi hoàn thành; Tham gia quản lý các giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án do Công ty đầu tư;

- Lập dự toán và theo dõi công trình khai hoang, phục hóa trồng mới và tái canh cao su, chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản;
 - Chủ trì và phối hợp với Phòng Khoa học – Kỹ thuật trình lãnh đạo Công ty phê duyệt kế hoạch trồng mới, kế hoạch thanh lý, trồng tái canh dài hạn, trung hạn và hàng năm phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Theo dõi, cân đối và đề xuất các biện pháp huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn đầu tư của Công ty, của các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đề xuất biện pháp sử dụng có hiệu quả đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật và các nguồn lực khác trong toàn Công ty. Là đầu mối của Công ty trong công tác đầu tư, liên doanh liên kết đầu tư, kinh doanh trong và ngoài nước;
 - Xây dựng và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện cân đối, quản lý các nguồn lực chung như: Đất đai, tiền vốn, vật tư, nguyên liệu, thiết bị, công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước và của Công ty;
 - Lập dự án đầu tư, tiếp nhận hồ sơ và trình lên Lãnh đạo Công ty quyết định các chủ trương đầu tư, dự án đầu tư của Công ty và thẩm định, kiểm tra quá trình thực hiện các dự án đầu tư;
 - Phối hợp với các phòng: Khoa học - Kỹ thuật, Kế toán - Thống kê và Tổ chức - Hành chính xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật các loại vật tư, công cụ dụng cụ giao khoán;
 - Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tháng, quý, 06 tháng, năm để tổ chức các cuộc hội nghị sơ kết, tổng kết theo chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty;
 - Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan, ban ngành có liên quan và cho Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu;
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc giao.
- ❖ Phòng Kế toán - Thống kê:**
- Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp quản lý về công tác tài chính – kế toán của Công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và hàng năm trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt và tổ chức chỉ đạo thực hiện;
 - Tổ chức hạch toán kế toán về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Luật Kế toán, quy chế tài chính và các văn bản pháp quy liên quan khác của Nhà nước và của Công ty quy định;
 - Lập đầy đủ và kịp thời các báo cáo tài chính theo đúng quy định. Lập kế hoạch thu chi tài chính tháng, quý, năm để cân đối kịp thời nguồn vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trước mắt và lâu dài;

- Chủ trì tổ chức thực hiện công tác kiểm kê tiền vốn, công cụ, vật tư, tài sản theo định kỳ hàng năm. Kịp thời phản ánh kết quả kiểm kê tài sản, đồng thời đề xuất các biện pháp xử lý;
- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng kịp thời các chế độ tài chính kế toán, thuế do Nhà nước ban hành cho cán bộ, nhân viên nghiệp vụ kế toán Công ty và kế toán các đơn vị thành viên;
- Tham gia xây dựng các chế độ chính sách của Công ty có liên quan đến công tác tài chính kế toán; quản lý, giám sát việc thực hiện các định chế tài chính trong Công ty;
- Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất – kinh doanh và tài chính để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty;
- Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến các nguồn vốn vay; giải quyết các loại vốn, phục vụ cho việc đầu tư phát triển sản xuất, huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hóa trong sản xuất – kinh doanh của Công ty;
- Theo dõi công nợ của Công ty, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu, chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác;
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan: Phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Phòng Khoa học – Kỹ thuật, Phòng Tổ chức – Hành chính, thẩm tra theo dõi, kiểm tra, nghiệm thu quyết toán các công trình XD/CB, sửa chữa, trang bị tài sản cố định, vườn cây XD/CB, vườn cây sản xuất kinh doanh,...;
- Chủ trì phối hợp với các phòng nghiệp vụ có liên quan xét duyệt, giao kế hoạch giá thành hàng năm và quyết toán, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo định kỳ đối với các đơn vị trực thuộc;
- Tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định;
- Cùng với Phòng Kế hoạch – Kinh doanh tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc ký kết hợp đồng mua bán sản phẩm sản xuất ra theo từng chủng loại;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan ban ngành có liên quan và Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc giao.

❖ Phòng Khoa học – Kỹ thuật:

- Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp về lĩnh vực kỹ thuật nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên ngành sản xuất

cao su thiên nhiên của Công ty; là đầu mối tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực trên;

– Tham gia xây dựng và thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan đến sản xuất cao su thiên nhiên của Công ty;

– Căn cứ quy trình kỹ thuật của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, tham mưu cho Lãnh đạo Công ty ban hành các quy trình tái canh, trồng mới, chăm sóc vườn cây cao su KTCB, khai thác mủ cao su và chăm sóc vườn cây kinh doanh;

– Tham mưu về việc đầu tư khoa học kỹ thuật, áp dụng các biện pháp tăng năng suất;

– Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Kinh doanh tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong công tác đầu tư phân bón, các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật,... phù hợp với từng loại giống, tuổi cây,... và từng loại mủ nguyên liệu đưa vào chế biến;

– Xây dựng các đề án, phương án áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất và chất lượng vườn cây;

– Triển khai, cập nhật và áp dụng bộ giống mới có năng suất chất lượng cao;

– Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất về kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác mủ cao su; tổng kết thực tiễn sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp các lĩnh vực khác liên quan đến sản xuất cao su thiên nhiên; tổ chức xây dựng các mô hình điểm và triển khai rộng rãi trong sản xuất;

– Kết hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tổ chức kiểm kê cây cao su hàng năm, phân tích, đánh giá các số liệu liên quan để tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc xét duyệt và giao kế hoạch trồng mới, tái canh, chăm sóc, khai thác mủ cao su cho các Đội sản xuất trực thuộc;

– Tham mưu trong việc tổ chức các lớp đào tạo, luyện thi tay nghề công nhân hàng năm;

– Phối hợp với các phòng nghiệp vụ tham mưu cho Lãnh đạo Công ty có quy chế xây dựng đơn vị 2 tấn/ha (tổ, đội,...);

– Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan ban ngành có liên quan và Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu;

– Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc giao.

❖ **Phòng Bảo vệ:**

– Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp về lĩnh vực pháp lý; công tác an ninh, quốc phòng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ tài sản sản phẩm của Công ty;

- Xây dựng chương trình công tác bảo vệ, quân sự, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp dân theo thẩm quyền của Công ty;
- Bảo vệ tài sản, sản phẩm, phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn trật tự trị an trong phạm vi Công ty;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về các vấn đề liên quan đến công tác phòng chống cháy nổ, quản lý, sử dụng các công cụ, phương tiện phòng chống cháy nổ trong Công ty; Quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ;
- Tham gia đoàn kiểm tra về công tác an toàn - vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ định kỳ (6 tháng/lần), cũng như tổ chức kiểm tra đột xuất công tác phòng chống cháy nổ khi có yêu cầu;
- Tiếp nhận, xác minh và kiến nghị giải quyết các đơn khiếu tố, khiếu nại và tố cáo do Lãnh đạo Công ty chuyển đến;
- Nghiên cứu, giải quyết và phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương giải quyết các vấn đề pháp lý của Công ty;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty và Ban chỉ huy quân sự Công ty thực hiện tốt Luật dân quân tự vệ;
- Tham mưu xây dựng phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai nhằm giảm nhẹ thiệt hại và tìm kiếm cứu nạn hàng năm;
- Xây dựng kế hoạch, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; Lập kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn nghiêm vụ hàng năm cho lực lượng bảo vệ;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan ban ngành có liên quan và Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc giao.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty dự kiến sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động. Cơ cấu lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng số 1: Danh sách lao động tại thời điểm ban hành QĐ phê duyệt giá trị doanh nghiệp

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	606	100%
1. Phân theo trình độ lao động	606	100%
– Trình độ Đại học và trên đại học	49	8,09%
– Trình độ cao đẳng	4	0,66%
– Trình độ trung cấp	16	2,64%

– Khác	537	88,61%
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	606	100%
– HDLĐ không thời hạn	606	100%
– HDLĐ có thời hạn	0	-
– HDLĐ theo thời vụ	0	-
3. Phân theo giới tính	606	100%
– Nam	257	42,4%
– Nữ	349	57,6%
4. Theo đơn vị	606	100%
– Văn phòng Công ty	33	5,45%
– Các đội chuyên sản xuất cao su	505	83,33%
– Nhà máy chế biến mủ cao su	17	2,81%
– Nhà máy chế biến phân bón	19	3,14%
– Xí nghiệp chăn nuôi	19	3,14%
– Trường mầm non	10	1,65%
– Tổ nước lọc	3	0,48%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình)

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có và các quy định của pháp luật về lao động, chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, xí nghiệp trực thuộc, Công ty dự kiến nhu cầu sử dụng lao động tại Công ty cổ phần là **596** người, cụ thể như sau:

Bảng số 2: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
1. Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	10	
– Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	1	
– Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	09	
2. Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	596	100
– Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	596	100
– Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	0	-
– Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	0	-
3. Sắp xếp lao động theo phòng ban	596	100
– Các đội chuyên sản xuất cao su	505	84,73

– Nhà máy chế biến cao su	17	2,85
– Nhà máy chế biến phân bón	19	3,19
– Xí nghiệp chăn nuôi	19	3,19
– Tổ nước lọc	3	0,5
– Phòng thuộc Công ty	33	5,54
– Trường mầm non	0	-

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình)

7. Giá trị thực tế Doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

❖ Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

Theo Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình, Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015 là: **153.694.596.859 đồng** (Bằng chữ: Một trăm năm mươi ba tỷ, sáu trăm chín mươi tư triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn, tám trăm năm mươi chín đồng).

Trong đó:

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: 86.953.660.752 đồng

❖ Tài sản không đưa vào cổ phần hóa:

Tổng giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán): 2.511.175.239 đồng:

+ Tài sản không cần dùng:	0 đồng
+ Tài sản chờ thanh lý:	1.199.768.586 đồng
+ Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi:	1.311.406.653 đồng

Bảng số 3: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu kế toán	Số liệu kế toán sau khi xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)		(3)	4=(3)-(2)
A.Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	153.283.274.650	149.950.645.548	153.694.596.859	3.743.951.311
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	129.234.251.941	129.234.251.941	132.978.203.252	3.743.951.311
1. Tài sản cố định	53.205.218.164	53.205.218.164	63.589.866.114	10.384.647.950
a. TSCĐ hữu hình	52.628.838.385	52.628.838.385	63.013.486.335	10.384.647.950

b. TSCĐ vô hình	576.379.779	576.379.779	576.379.779	
c. TSCĐ thuê tài chính				
2. Bất động sản đầu tư				
3. các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	74.497.390.315	74.497.390.315	67.856.693.676	(6.640.696.639)
5. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn				
6. Chi phí trả trước dài hạn	1.186.687.679	1.186.687.679	1.186.687.679	
7. Các khoản phải thu dài hạn	344.955.783	344.955.783	344.955.783	
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	24.049.022.709	24.049.022.709	24.049.022.709	
1. Tiền	6.128.627.817	6.128.627.817	6.128.627.817	
+ Tiền mặt tồn quỹ	347.968.717	347.968.717	347.968.717	
+ Tiền gửi ngân hàng	95.861.949	95.861.949	95.861.949	
+ Các khoản tương đương với tiền	5.684.797.151	5.684.797.151	5.684.797.151	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn				
3. Các khoản phải thu	5.249.449.573	5.249.449.573	5.249.449.573	
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	12.580.884.347	12.580.884.347	12.580.884.347	
5. Tài sản lưu động khác	90.060.972	90.060.972	90.060.972	
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	90.060.972	90.060.972	90.060.972	
6. Chi phí sự nghiệp				
III. Giá trị lợi thế KD				
IV. Giá trị quyền SD đất				
B. Tài sản không cần dùng				
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn				
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn				
C. tài sản chờ thanh lý	1.199.768.586	1.199.768.586	1.199.768.586	
D. Tài sản hình thành	1.311.406.653	1.311.406.653	1.311.406.653	

từ Quỹ KT, phúc lợi				
Tổng giá trị tài sản của DN (A+B+C+D)	155.794.449.889	152.461.820.787	156.205.772.098	3.745.951.311
Tổng giá trị thực tế (Mục A)	153.283.274.650	149.950.645.548	153.694.596.859	3.745.951.311
E1. Nợ thực tế phải trả	66.740.936.107	66.740.936.107	66.740.936.107	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	190.095.168	0	0	
Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp (A) -(E1+E2)	86.352.243.375	83.209.709.441	86.953.660.752	3.745.951.311

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị Doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình)

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1. Tình hình đất đai

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015, tổng diện tích Công ty đang quản lý và sử dụng được Nhà nước có Quyết định cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả tiền thuê đất hàng năm: 30.259.045,5 m² (trong đó: Đất phi nông nghiệp: 183.431,6 m² và đất nông nghiệp: 30.075.613,9 m²). Toàn bộ diện tích đất được phân bổ trên địa bàn Thị trấn Nông trường Lệ Ninh, xã Sơn Thủy, xã Phú Thủy, xã Ngân Thủy- huyện Lệ Thủy; xã Vạn Ninh - huyện Quảng Ninh; phường Phú Hải- thành phố Đồng Hới.

TT	Địa điểm sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại
1	Xã Sơn Thủy - tỉnh Quảng Bình	Quyết định số 1174/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 02/6/2009, về việc thu hồi và cho thuê đất của Công ty Lệ Ninh tại xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy - Quyết định số 209/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 26/01/2015 về việc cho thuê đất tại xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy;	1.848.576	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng cây cao su
			1.754.031,7	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng rừng sản xuất
			31.561	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất xây dựng nhà làm việc, nhà máy, xí nghiệp sản xuất kinh doanh
			247.759	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng lúa, ngô, rau... (phục vụ chăn nuôi)
			5.465	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng cây cao su
			32.832	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất nông nghiệp khác
Tổng cộng xã Sơn Thủy			3.920.224,7		
2	Xã Phú	Quyết định số 1110/QĐ-	2.900.582	Thuê đất, trả	Đất trồng cây

	Thủy – tỉnh Quảng Bình	UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 26/5/2009, về việc thu hồi và cho thuê đất của Công ty Lệ Ninh tại xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy;		tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	cao su
			2.144.083	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng rừng sản xuất
			9.648	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất xây dựng nhà làm việc
			269.175	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng lúa ngô, rau... (phục vụ chăn nuôi)
			2.543	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất nuôi trồng thủy sản
Tổng cộng xã Phú Thủy			5.326.031		
3	Xã Vạn Ninh – tỉnh Quảng Bình	Quyết định số 1096/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 25/5/2009, về việc thu hồi và cho thuê đất của Công ty Lệ Ninh tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh;	260.134	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng cây cao su
			595.504	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng rừng sản xuất
			10.860	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng cây cao su
Tổng cộng xã Vạn Ninh			866.498		
4	Xã Ngân Thủy – tỉnh Quảng Bình	- Quyết định số 1209/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 05/6/2009, về việc thu hồi và cho thuê đất của Công ty Lệ Ninh tại xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy;	3.271.260	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng rừng sản xuất
			10.713.714	Thuê đất, trả tiền thuê đất	Đất trồng cây cao su

		- Quyết định số 3748/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 24/12/2014, về việc thu hồi và cho thuê đất của Công ty Lệ Ninh tại xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy; - Quyết định số 2934/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 19/10/2015, về việc cho Công ty TNHH MTV Lệ Ninh –Quảng Bình thuê đất để trồng cây lâu năm (cây cao su) tại xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy.		hàng năm đến 10/2043	
			7.327	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất xây dựng nhà làm việc
			460.992	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng lúa nước
			19.360	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất nông nghiệp khác
			587.322	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng cỏ chăn nuôi
			40.558	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng cây cao su
			196.344	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất nuôi trồng thủy sản
			21.785	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng cây dược liệu (xả, hồi)
Tổng cộng xã Ngân Thủy			15.318.662		
5	Thị trấn NT Lệ Ninh – tỉnh Quảng Bình	- Quyết định số 1918/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 30/7/2009, về việc thu hồi và cho thuê đất của Công ty Lệ Ninh tại Thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy; - Quyết định số 207/QĐ-UBND của UBND tỉnh	2.702.385,4	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng rừng sản xuất
			133.395,8	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất xây dựng nhà làm việc, nhà máy, xí nghiệp sản xuất kinh

		Quảng Bình ngày 26/01/2015; - Quyết định số 206/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 26/01/2015;			doanh
		Quảng Bình ngày 26/01/2015; Quyết định số 210/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 26/01/2015;	1.821.159,3	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng cây cao su
			51.259	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất trồng cây cao su
			117.930,5	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 10/2043	Đất bằng trồng cây cao su
Tổng cộng TTNT Lệ Ninh			4.826.130		
6	TP Đồng Hới – tỉnh Quảng Bình (*)	- Quyết định số 1957/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 12/8/2010;	1.499,8	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm đến 8/2060	Đất xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm (Công ty đã chuyển nhượng tài sản trên đất cho Công ty cổ phần ô tô Hoàng Anh)
Cộng TP Đồng Hới			1.499,8		
TỔNG CỘNG			30.259.045,5		

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh - Quảng Bình)

(*): Sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, trong năm 2016, Công ty có hoàn thiện thủ tục để chuyển nhượng toàn bộ giá trị tài sản trên đất thuộc lô đất tại TP Đồng Hới – tỉnh Quảng Bình cho Công ty Cổ phần Ô tô Hoàng Anh đồng thời chấm dứt hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Quảng Bình, chuyển sang cho CTCP Ô tô Hoàng Anh thuê lại diện tích trên của UBND tỉnh Quảng Bình.

Theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 15/04/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình sau khi cổ phần hóa, theo đó Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình được giữ lại và tiếp tục sử dụng 2.988,6 ha (trong đó: 2.970,6 ha đất nông nghiệp và 18,0 ha đất phi nông nghiệp), diện tích phân bổ theo địa bàn hoạt động như sau:

Bảng số 4: Tổng hợp diện tích đất Công ty quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)			Diện tích đất bàn giao lại UBND (*)	Ghi chú
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Tổng		
1	TTNT Lệ Ninh	443,4	13,2	456,6	26,01	
2	Xã Sơn Thủy	387,0	3,1	390,1	1,92	
3	Xã Phú Thủy	529,5	1,0	530,5	2,10	
4	Xã Ngân Thủy	1.524,7	0,7	1525,4	6,47	
5	Xã Vạn Ninh	85,9	-	85,9	0,75	
6	Xã Phú Hải				0,15	
	Cộng	2.970,5	18,0	2.988,5	37,4	

(*): Theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 15/04/2017, diện tích đất Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình bàn giao cho địa phương quản lý là 240,4 ha. Phần chênh lệch giữa diện tích đất bàn giao trên thực tế và diện tích đất bàn giao theo quyết định (203,0 ha) đây là diện tích đường nội bộ, nội vùng, vùng núi đá không trồng trọt được, nằm trong diện tích đất công ty đang quản lý. Khi triển khai đo đạc để thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, đơn vị định giá dùng GPS để đo đạc nên đã tính tổng toàn bộ diện tích trên.

Trong những năm qua, Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình đã quản lý sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Việc quản lý sử dụng đất đã đảm bảo theo đúng quy định của Luật Đất đai cũng như các quy định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có tranh chấp.

Tại thời điểm hiện tại 02 đơn vị tư vấn là: Trung tâm lưu trữ TNMT và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện xong công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, cắm mốc ranh giới sử dụng đất và đang hoàn thiện các thủ tục cấp đổi lại GCNQS dụng đất cho Công ty nhằm thực hiện cổ phần hóa theo phương án sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt.

8.2. Tài sản cố định

Bảng số 4: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6
A	TSCĐ đang dùng	126.816.406.270	53.205.218.164	133.397.543.600	63.589.866.114

1	TSCĐ hữu hình	125.832.924.499	52.628.838.385	132.414.061.829	63.013.486.335
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	57.375.013.645	28.497.861.827	66.576.046.981	36.725.439.556
a	Máy móc, thiết bị	19.104.179.627	7.775.321.769	19.104.179.627	8.073.334.578
b	Phương tiện vận tải	3.493.274.879	1.662.341.886	3.493.274.879	1.967.678.920
d	Thiết bị, dụng cụ quản lý	607.119.545	228.927.475	607.119.545	252.052.090
e	TSCĐ khác	135.950.800	0	135.950.800	40.785.240
f	Vườn cây	45.117.386.003	14.464.385.428	42.497.489.997	15.954.195.952
2	TSCĐ vô hình	983.481.771	576.379.779	983.481.771	576.379.779
B	TSCĐ không cần dùng	0	0	0	0
C	TSCĐ chờ thanh lý	13.050.144.369	1.199.768.586	13.050.144.369	1.199.768.586
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	0	0
2	Máy móc, thiết bị	0	0	0	0
3	Phương tiện vận tải	0	0	0	0
4	TSCĐ khác + TBDCQL	0	0	0	0
5	Vườn cây cao su (*)	13.050.144.369	1.199.768.586	13.050.144.369	1.199.768.586
D	TSCĐ hình thành từ QKT, QPL	1.550.431.500	1.311.406.653	1.550.431.500	1.311.406.653
E	TSCĐ phục vụ công ích	597.247.096	0	597.247.096	0
F	TSCĐ xin điều chỉnh nguồn	0	0	0	0
Tổng cộng		142.014.229.235	55.716.393.403	148.595.366.565	66.101.041.353

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty)

(*): TSCĐ chờ thanh lý là vườn cây cao su trồng từ những năm 1980, 1990. Đến nay, những vườn cao su trên đã già cỗi, sản lượng mủ cao su khai thác không đạt tiêu chuẩn về chất lượng cũng như sản lượng mủ thấp nên công ty thanh lý để trồng mới.

8.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bảng số 6: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Diện tích	Giá trị sổ sách	Xác định lại
1	Vườn cây cao su	ha		72.201.965.458	65.561.268.819
-	Cây cao su trồng năm 2005	ha	46,50	8.884.629.909	2.647.936.038
-	Cây cao su trồng năm 2007	ha	10,28	2.629.030.779	584.892.687
-	Cây cao su trồng năm 2009	ha	7,93	1.499.994.432	961.603.190
-	Cây cao su trồng năm 2011	ha	70,90	6.146.416.217	5.003.673.633
-	Cây cao su trồng năm 2012	ha	108,02	11.896.647.240	14.496.427.416
-	Cây cao su trồng năm 2013	ha	268,64	18.343.749.430	18.351.278.456
-	Cây cao su trồng năm 2014	ha	554,17	18.064.933.653	18.612.777.517

-	Cây cao su trồng năm 2015	ha	246,19	3.817.374.687	3.983.490.770
-	Cây cao su hình thành năm tới			919.189.112	919.189.112
2	Công trình xây dựng			383.146.502	383.146.502
3	Vườn keo			59.591.900	59.591.900
4	Đường vào lô cao su TM 2011			1.852.686.455	1.852.686.455
	Tổng cộng			74.497.390.315	67.856.693.676

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty)

8.4. Tình hình máy móc, thiết bị

Bảng số 8: Tình hình máy móc, thiết bị tính vào Giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Theo đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản công ty sử dụng sản xuất kinh doanh	10.281.467.909	6.356.006.944	10.281.467.909	6.654.019.753
1	Máy Phô tô copy	55.627.000	0	55.627.000	11.125.400
2	Máy phun thuốc 700 lít (02 cái) tại kho Công ty	130.000.000	91.617.374	130.000.000	97.500.000
3	Dây chuyền chế biến mủ tạp (NMCBCS)	306.190.000	0	306.190.000	61.238.000
4	Máy cán kéo (NMCBCS)	155.000.000	27.678.578	155.000.000	46.500.000
5	TBCB mủ (thùng sậy, quạt gió, đường ray)-NMCBC	37.871.900	0	37.871.900	7.574.380
6	Máy cán mủ cao su 410, thiết bị điện (NMCBCS)	606.000.000	408.367.564	606.000.000	424.200.000
7	Dây chuyền sx mủ cao su cốm CS 3.000 (NMCBCS)	4.443.105.418	2.998.352.510	4.443.105.418	3.021.311.684
8	Dây chuyền chế biến mủ tạp tại NMCB Cao su	1.175.960.764	963.673.866	1.175.960.764	999.566.649

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Theo đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
9	Hệ thống nước lọc tinh khiết 2 (DV)	180.700.000	77.173.940	180.700.000	81.315.000
10	Hệ thống nước lọc tinh khiết 1 (DV)	381.372.000	155.167.175	381.372.000	171.617.400
11	Bồn nước Inox 5m ³ cấp tưới nước vườn ươm tại Đới 4-NT2	64.137.013	47.659.414	64.137.013	48.102.760
12	Bồn tắm áp lực chân không	338.500.000	282.447.318	338.500.000	304.650.000
13	Dàn máy cưa gỗ	132.636.364	107.845.997	132.636.364	119.372.728
14	Hệ thống lò sấy gỗ	525.512.000	452.759.661	525.512.000	472.960.800
15	Hệ thống phối trộn phân HCVS	1.748.855.450	743.263.547	1.748.855.450	786.984.953
II	Tài sản chờ xử lý theo Quyết định 3472/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 (*)	8.822.711.718	1.419.314.825	8.822.711.718	1.419.314.825
1	Bồn nước, máy bơm nước	42.759.091	0	42.759.091	0
2	Dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc	2.746.477.432	0	2.746.477.432	0
3	Khung dàn giá bồn chứa nước	61.980.758	0	61.980.758	0
4	Thiết bị chuồng lợn	2.715.490.424	347.637.583	2.715.490.424	347.637.583
5	Thiết bị phòng hóa nghiệm	196.520.000	15.986.724	196.520.000	15.986.724
6	Hệ thống sản xuất nước đá cây (DV)	200.000.000	65.555.778	200.000.000	65.555.778
7	Máy phát điện XNCN	308.571.429	92.520.622	308.571.429	92.520.622
8	Thiết bị chuồng cai sữa số 3	664.034.100	282.214.458	664.034.100	282.214.458
9	Thiết bị chuồng lợn đực	164.270.680	0	164.270.680	0

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Theo đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
10	Thiết bị chuồng mang thai số 01	1.217.999.200	517.649.683	1.217.999.200	517.649.683
11	Bình dẫn khí Bioga đốt lò hơi	230.000.000	97.749.977	230.000.000	97.749.977
12	Cụm thiết bị nghiền thức ăn	274.608.604	0	274.608.604	0
Tổng cộng		19.104.179.627	7.775.321.769	19.104.179.627	8.073.334.578

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – QB)

(*): Tài sản chờ xử lý theo Quyết định 3472/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình. Theo đó, Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình kiến nghị thoái vốn những tài sản có hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp khi thực hiện xác định giá trị tài sản. Tuy nhiên, do không thoái vốn được những tài sản này nên Công ty vẫn tiếp tục sử dụng những tài sản này sau khi cổ phần hóa.

- 9. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký.**

Không có

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng số 9: Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng	101.177,1	99,71	42.359,3	99,25	41.831,6	99,51	45.855,5	99,43
Doanh thu cung cấp dịch vụ	295,3	0,29	321,5	0,75	205,6	0,49	260,6	0,57
Tổng cộng	101.472,4	100	42.680,8	100	42.037,2	100	46.116,1	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 của Công ty)

Doanh thu từ hoạt động bán hàng (hoạt động kinh doanh chính) của công ty chiếm tỷ trọng rất lớn trong doanh thu thuần, trên 99%. Hoạt động chủ yếu là cung cấp mủ cao su và các sản phẩm gỗ cây cao su, gỗ rừng trồng.

Doanh thu thuần của Công ty trong những năm qua có xu hướng giảm, biến động giảm lớn nhất là từ năm 2014. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2013 đạt mức 101,47 tỷ đồng, trong khi sang năm 2014, 2015, 2016 doanh thu thuần của Công ty chỉ đạt lần lượt 42,68 tỷ đồng, 42,04 tỷ đồng và 46,12 tỷ đồng, đây là mức giảm kỷ lục của công ty. Nguyên nhân là do cơn bão số 10 và 11 năm 2013 đã gây thiệt hại nặng nề đến hàng ngàn ha vườn cây cao su đang khai thác của Công ty, nhiều diện tích vườn cao su của công ty bị ảnh hưởng, gãy, đổ dẫn đến không khai thác được mủ. Cùng với thời gian đó là giá cao su trên thị trường liên tục giảm sâu.

Bảng số 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng	21.390,6	99,27	4.342,2	93,1	228,2	/	4.537,2	97,63
Lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ	155,9	0,73	321,5	6,9	(232,3)	/	110,2	2,37
Tổng cộng	21.546,5	100	4.663,7	100	(4,1)	/	4.647,4	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 của Công ty)

10.2. Nguyên vật liệu

❖ Nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là mủ cao su tự nhiên tự khai thác từ các Đội chuyên sản xuất cây cao su của Công ty và thu mua từ các hộ dân tiểu điền ở các địa bàn lân cận. Theo thống kê của những năm gần đây thì tỷ lệ tự khai thác chiếm khoảng 90%, thu mua từ tiểu điền khoảng 10%. Việc thu mua từ bên ngoài chủ yếu là để tận dụng năng lực sản xuất của Nhà máy, khấu hao máy móc thiết bị và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Cây giống: hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, tiêu thụ mủ cao su do vậy, công ty luôn chủ động trong việc ươm, gieo trồng cây giống để cung cấp cho hoạt động sản xuất của công ty và các hộ trồng rừng trên địa bàn.

Phân bón: phân bón NPK, đạm, lân, hóa chất, ... Công ty mua thông qua các nhà cung cấp có uy tín nhằm đảm bảo chất lượng và sự ổn định của sản phẩm.

❖ Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:

Nhìn chung, nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá phổ biến trên thị trường. Các loại hóa chất phục vụ chế biến mủ, chế biến gỗ; các loại phân bón chuyên dùng cho cây cao su được mua từ các nhà cung cấp có uy tín trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Các loại thuốc bảo vệ thực vật mua của trạm bảo vệ thực vật thuộc Chi cục bảo vệ thực vật thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Do đó, Công ty có nguồn cung cấp nguyên, nhiên vật liệu ổn định, giúp Công ty chủ động được trong sản xuất, đảm bảo phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do đặc thù trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty. Hoạt động trồng rừng chủ yếu là chi phí nhân công. Chi phí nguyên vật liệu cho trồng rừng chủ yếu là phân bón và cây giống. Công ty tự tổ chức gieo ươm cây giống để phục vụ cho trồng rừng, chủ động nguồn phân bón cho hoạt động trồng rừng (phân hữu cơ vi sinh do công ty tự sản xuất đáp ứng khoảng 50-60% nhu cầu của hoạt động trồng rừng của công ty). Do vậy, giá cả nguyên vật liệu của Công ty khá ổn định, ít có sự biến động mạnh.

10.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Tỷ trọng các loại chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm như sau:

Bảng số 11: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh giai đoạn 2013 - 2016

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ TDT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng /TDT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ TDT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng /TDT (%)
Giá vốn hàng bán	79.925,9	75,85	38.017,1	80,21	42.041,3	95,96	41.468,7	87,30
Chi phí QLDN	7.759,3	7,36	3.640,4	7,68	2.989,1	6,82	3.515,2	7,40
Chi phí bán hàng	467,2	0,44	302,6	0,64	404,1	0,92	470,7	0,99
Chi phí tài chính	2.324,5	2,21	1.679,8	3,54	1.201,9	2,74	1.148,2	2,42
Chi phí khác	6.844,1	6,50	3.678,2	7,76	4.156,1	9,49	663,1	1,40
Tổng Chi phí	97.321,0	92,36	47.318,1	99,83	50.792,5	115,94	47.265,9	99,51

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 của Công ty)

Nhìn chung, tổng chi phí chiếm tỷ trọng rất cao trên Tổng doanh thu hoạt động của công ty, tỷ trọng chi phí/ Tổng doanh thu năm 2013 là trên 92%, năm 2014, 2016 là trên 99%. Năm 2015, chi phí đầu tư cho hoạt động sản xuất của công ty (cây giống, phân bón, nhân công,..) tăng do việc đầu tư cho các diện tích trồng bổ sung sau ảnh hưởng của bão năm 2013 trong khi giá cao su trên thế giới trong năm liên tục giảm sâu, ảnh hưởng đến hoạt động chung của các công ty trong nước. Theo đó, hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2015 bị lỗ.

Cơ cấu chi phí của công ty cho thấy chi phí hoạt động rất cao, khả năng cạnh tranh trên thị trường còn thấp do đặc thù của Công ty là DNNN, chủ yếu hoạt động theo định hướng của tỉnh trong công tác quản lý và phát triển tài nguyên rừng và giải quyết công ăn việc làm cho người dân trên địa bàn. Trong thời gian tới Công ty sẽ phải kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn nữa để gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

10.4. Trình độ công nghệ

Hiện tại Công ty có 02 dây chuyền sản xuất đảm bảo chế biến hết sản phẩm của Công ty và gia công cho các đơn vị tiểu điền trên địa bàn:

- + 01 dây chuyền sản xuất mũ tinh SVR với các chủng loại sản phẩm sản xuất được như sau: SVR 3L, SVR 5. Công nghệ của dây chuyền này là công nghệ được nhập khẩu lắp đặt năm 2012 từ các nước: Italia, Nhật bản,... với công suất thiết kế là 3.000 tấn mũ quy khô/năm. Tuy nhiên, công suất thực tế có khả năng đạt hơn 5.000 tấn/năm;

- + 01 dây chuyền sản xuất mủ tạp với công suất thiết kế là 2.000 tấn/năm, các thiết bị này được nhập khẩu từ Malaysia. Công suất thực tế có khả năng đạt hơn 3.000 tấn/năm. Các chủng loại sản phẩm sản xuất được như sau: SVR 10.

Nhìn chung năng lực sản xuất của Nhà máy có đủ khả năng đáp ứng chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 và thời gian cung ứng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

10.5. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Công ty luôn chú trọng và có chính sách cho hoạt động này như lập nguồn quỹ khoa học công nghệ dành cho hoạt động nghiên cứu cải tiến, đầu tư ứng dụng KHCN vào trong sản xuất. Hàng năm, Công ty cũng đều có chương trình nghiên cứu áp dụng cải tiến máy móc thiết bị ở từng công đoạn và bộ phận khác nhau của dây chuyền sản xuất, cải thiện hiệu quả sản xuất, tiết giảm nhiên liệu, điện năng, giảm thất thoát, tăng chất lượng sản phẩm.

Thành tích đạt được nhờ công nghệ mới đem lại là chất lượng sản phẩm được nâng cao, sản phẩm sản xuất ra luôn phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004. Năng suất lao động tăng lên và tiết kiệm được chi phí sản xuất như: nhiên liệu, năng lượng, công lao động và năng suất tăng lên,... đã góp phần làm giảm giá thành sản xuất.

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đưa các loại giống cao su vào khảo nghiệm đề tài nhân rộng mô hình sản xuất giống cao su theo khuyến cáo của Viện nghiên cứu cao su Việt Nam với các giống (RRIM712, RRIM600, RRIC121, RRIC100) có năng suất cao, thích nghi với điều kiện thời tiết khí hậu các tỉnh Bắc Trung bộ.

Sáng kiến cải tiến quy trình khai hoang làm đất trồng mới cao su đã tiết kiệm được chi phí đầu tư 5,03 triệu đồng/ha, mang lại giải pháp rất lớn về bảo vệ môi trường như: chống xói mòn, giữ được cấu tượng và độ màu mỡ của đất.

10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện tại Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008. Các sản phẩm mủ côm sản xuất, công ty áp dụng theo tiêu chuẩn TCVN 3769 : 2004

Bộ phận kiểm tra chất lượng: Bộ phận kiểm tra chất lượng gồm 2 cấp: Cấp công ty và cấp đơn vị trực thuộc.

- Cấp công ty: Ban KCS công ty.
- Cấp đơn vị: Tiểu ban (tổ) KCS đơn vị.

Bộ phận kiểm tra chất lượng có nhiệm vụ kiểm tra toàn bộ vật tư, nguyên nhiên liệu nhập vào phục vụ cho sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm xuất xưởng, xuất bán cho khách hàng.

10.7. Hoạt động Marketing

Công ty không có bộ phận chuyên môn triển khai hoạt động Marketing. Hoạt động giới thiệu sản phẩm thường thông qua sự giới thiệu của các cấp quản lý và các khách hàng truyền thống, ngoài ra, Công ty giới thiệu thông tin về sản phẩm thông qua các cách thức sau:

- Thường xuyên cập nhật thông tin trên website;
- Đăng ký giới thiệu thông tin về sản phẩm, về doanh nghiệp trong các buổi hội thảo, tham gia hội chợ;
- Gửi thư chào hàng qua email, gửi mẫu.

10.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Với đặc thù là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực trồng và khai thác, chế biến, tiêu thụ mủ cao su, sản phẩm chủ yếu xuất thô nên hiện tại Công ty chưa đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu riêng.
- Trong thời gian tới, sau khi chuyển sang mô hình hoạt động công ty cổ phần, Công ty sẽ tiến hành đăng ký hình ảnh và nhãn hiệu cho sản phẩm của công ty

10.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng số 5: Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Khách hàng	Sản phẩm cung cấp	Thời gian thực hiện	Trị giá (đồng)
1	Công ty TNHH chế biến cao su Đà Nẵng	Mủ cao su	2017	Hợp đồng nguyên tắc 1 lần, giá trị tùy thuộc vào số lượng từng lần nhận hàng
2	Công ty Cổ phần cao su Việt Phú Thịnh	Mủ cao su	15/2/2017	2.730.000.000
3	Công ty Cổ phần cao su Việt Phú Thịnh	Mủ cao su	31/3/2017	2.110.000.000
4	Công ty TNHH TMDV XNK Ánh Dương	Mủ cao su	09/01/2017	2.336.250.000
5	Công ty TNHH TMDV XNK Ánh Dương	Mủ cao su	13/01/2017	1.386.000.000
6	Công ty TNHH TMDV XNK Ánh Dương	Mủ cao su	03/4/2017	2.058.000.000
7	Công ty TNHH TMDV XNK Ánh Dương	Mủ cao su	19/5/2017	1.837.500.000

8	Công ty TNHH TMDV CBG Nhật Quang	Gỗ cao su	12/5/2016	Hợp đồng nguyên tắc 1 lần, giá trị tùy thuộc vào số lượng từng lần nhận hàng
---	----------------------------------	-----------	-----------	--

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình)

11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

Bảng số 13: Tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	134.184,4	145.105,2	156.205,7	167.012,1
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán (Vốn chủ sở hữu)	Triệu đồng	92.466,5	92.512,4	89.247,7	89.508,0
3. Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	36.222,2	41.640,6	37.262,7	20.447,9
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
4. Nợ dài hạn	Triệu đồng	5.305,6	10.762,1	29.478,2	56.866,1
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
5. Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	0	0	0	0
6. Tổng số lao động	người	826	748	685	615
7. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	33.261	20.713	23.521	21.570
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng/người	3,35	2,31	2,86	2,92
9. Tổng doanh thu	Triệu đồng	105.369,9	47.397,8	43.810,9	47.499,1
10. Tổng chi phí	Triệu đồng	97.321,0	47.318,1	50.792,5	47.265,9
11. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.048,9	79,7	-6.981,6	233,2
12. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.015,8	45,9	-6.981,6	233,2
13. Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,5	0,05	N/A	0,26

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 của Công ty)

12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa

✚ Thuận lợi

- Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su, thực hiện các chính sách phát triển ngành cao su của Nhà nước, Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, sự chỉ đạo của Chi bộ, của Ban Giám đốc, cùng các phòng ban chuyên môn, các đơn vị sản xuất, cán bộ công nhân viên đoàn kết thống nhất, tự giác có trách nhiệm với công việc được giao, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các cơ quan ban ngành của địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Công ty có nhiều kinh nghiệm trong ngành và là đơn vị đã hoạt động lâu năm tại địa phương, có đội ngũ lao động lành nghề, nguồn khách hàng tiêu thụ ổn định;
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước, do vậy quyền và chế độ của người lao động được đảm bảo;
- Công ty còn rà soát và phân tích định mức vật tư, phát hiện những chênh lệch vượt định mức để có biện pháp xử lý kịp thời.
- Công ty thực hiện chặt chẽ việc quản lý, khai thác mủ cao su và có giải pháp trồng xen, gối đầu các diện tích nhằm đảm bảo chất lượng và sản lượng mủ cao su khai thác. Hiện tại, diện tích rừng cao su trồng mới của công ty chiếm tỷ lệ trên 30% và sẽ cho khai thác trong khoảng 2-3 năm tới, đảm bảo sản lượng khai thác mủ phục vụ cho hoạt động sản xuất của công ty trong thời gian tới.

✚ Khó khăn

- Tình hình kinh tế xã hội diễn biến phức tạp, đã tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là tiêu thụ mủ cao su và chế biến gỗ. Tình trạng nguồn kinh phí hạn chế đã dẫn đến việc cắt giảm các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động đầu tư khác, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Khó khăn đặc thù sản xuất kinh doanh của ngành khai thác mủ cao su là phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, tài sản phân bố rộng, phân tán trên địa hình đồi núi phức tạp, việc quản lý gặp nhiều khó khăn nhất là công tác bảo vệ sản phẩm luôn diễn biến phức tạp ở nhiều thời điểm, nhiều nơi;
- Vườn cây cao su là tài sản ngoài trời, do đó sẽ chịu nhiều rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn;
- Giá cả mủ cao su biến động phụ thuộc thị trường thế giới, theo đó ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Khả năng tiếp cận thông tin thị trường của các doanh nghiệp kinh doanh mủ cao su ở Việt Nam còn kém là nguyên nhân quan trọng làm cho thị trường tiêu thụ mủ cao su kém hiệu quả. Việt Nam chưa xây dựng được quy chuẩn quốc gia về nguyên liệu mủ cao su, do đó thường xuyên xảy ra các hành vi pha trộn tạp chất làm giảm chất lượng nguyên liệu mủ cao su, ảnh hưởng đến uy tín của ngành cao su Việt Nam trên thị trường thế giới.
- Trong thời gian vừa qua, từ năm 2014-2016, doanh thu của công ty giảm mạnh nguyên nhân là do cơn bão số 10 và 11 năm 2013 đã gây thiệt hại nặng nề đến hàng ngàn ha vườn cây cao su đang khai thác của Công ty, nhiều diện tích vườn cao su của công ty bị ảnh hưởng, gãy, đổ dẫn đến không khai thác được mủ. Cùng với thời gian đó là giá cao su trên thị trường liên tục giảm sâu, dẫn đến doanh thu của Công ty giảm mạnh trong năm 2014, 2015. Năm 2016 tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết mưa nhiều gây ảnh hưởng đến thu hoạch mủ cao su; sản lượng cao su đạt thấp, giá mủ cao su trên thị trường giảm sâu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

13.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Công ty TNHH một thành viên Lê Ninh-Quảng Bình quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp với diện tích trên 30,2 triệu m² trải rộng trên địa bàn 5 xã, thị trấn huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình. So với các công ty lâm nghiệp cùng ngành nghề, quy mô diện tích trồng và khai thác của công ty khá nhỏ, chủ yếu hoạt động theo định hướng của tỉnh trong công tác quản lý và phát triển tài nguyên rừng và giải quyết công ăn việc làm cho người dân trên địa bàn.
- Trước năm 2013, Công ty TNHH một thành viên Lê Ninh-Quảng Bình có hơn 800 người lao động, với diện tích và sản lượng cao su khổng lồ. Mỗi năm, nông trường thu được hàng nghìn tấn cao su, thu nhập của công nhân bình quân 3,5 triệu đồng/tháng. Hơn thế, diện tích cây cao su của Công ty không ngừng được mở rộng, số lượng cây cao su chuẩn bị cho thu hoạch lớn, mở ra những tiềm năng, dự định mới cho người lao động.
- Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do bị ảnh hưởng nặng nề từ cơn bão lớn cuối năm 2013, diện tích trồng cây cao su của công ty bị gãy đổ, hư hại dẫn đến sản lượng khai thác mủ cao su của công ty bị giảm sút, giá cao su trên thế giới liên tục giảm đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2014, 2015, Công ty đã nỗ lực trồng bổ sung nhằm khôi phục diện tích trồng cao su. Đến thời điểm hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty từng bước ổn định, toàn bộ diện tích trồng của Công ty đã được khai thác có hiệu quả.
- Công ty có nhiều kinh nghiệm trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, chế biến mủ cao su, sản phẩm Công ty sản xuất ra tiêu thụ được ngay, giá

thành hợp lý. Đây là yếu tố thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần.

13.2. Triển vọng phát triển ngành

- Việt Nam xếp thứ ba toàn cầu về sản lượng và thứ tư về xuất khẩu cao su. Trung Quốc và Ấn Độ là hai thị trường lớn nhất của Việt Nam, chiếm 66,1% thị phần. Năm 2016, sản lượng cao su xuất khẩu sang Trung Quốc ước đạt trên dưới 900 triệu USD, Ấn Độ ước đạt trên 100 triệu USD, giá trị xuất khẩu tăng lần lượt khoảng 21% và 10% so với năm 2015. Mặc dù chịu ảnh hưởng của cuộc “khủng hoảng thừa” của ngành cao su toàn cầu tác động tới ngành cao su Việt Nam. Giá cao su xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2016 đạt 1.290 USD/tấn (khoảng 26 - 27 triệu đồng/tấn), giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, cao su vẫn nằm trong top 10 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD của ngành nông nghiệp Việt Nam. Quý IV/2016, đặc biệt trong tháng 12, khi giá cao su thế giới đã bật lên, mức giá tăng lên khoảng 40 triệu đồng/tấn khiến nhiều người trồng cao su và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cao su đặt nhiều kỳ vọng trong năm 2017.
- Theo dự báo của WB, nguồn cung cao su toàn cầu sẽ giảm khi các quốc gia hàng đầu xuất khẩu cao su (Thái Lan, Indonesia, Malaysia,...) áp dụng các chính sách kìm hãm sản lượng. Bên cạnh đó, dự báo tiềm năng tăng trưởng cao của ngành sản xuất xăm lốp ô tô thế giới trong các năm tới, trong đó, ngành công nghiệp ô tô Trung Quốc đang có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ. Triển vọng của thị trường cao su được dự báo sẽ cải thiện hơn trong năm 2017 nhờ kinh tế thế giới đang dần phục hồi, đặc biệt là ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Triển vọng của thị trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước.

13.3. Định hướng phát triển của công ty

- Hình thành vùng sản xuất, khai thác và chế biến mù cao su, gỗ nguyên liệu gắn với chế biến lâm sản phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.
- Tiếp tục sắp xếp đổi mới Công ty nhằm góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều lao động, phủ xanh đất trống đồi trọc, tạo môi trường sinh thái bền vững, góp một phần không nhỏ vào kim ngạch xuất khẩu cả nước. Đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

13.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

- Nền kinh tế thế giới đang dần hồi phục và có dấu hiệu tăng trưởng, ngành công nghiệp sản xuất ô tô đang có xu hướng phát triển mạnh (đặc biệt là Trung Quốc, nước nhập khẩu phần lớn cao su của Việt Nam), giá cao su trên thế giới đang có xu

hướng tăng lên, đặc biệt từ cuối năm 2016. Do vậy, định hướng phát triển của Công ty TNHH một thành viên Lê Ninh- Quảng Bình phù hợp với định hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp của tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Với chiến lược hoạt động kinh doanh gắn với mục tiêu về kinh tế, chính trị, xã hội, hoạt động của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước, đây được coi là động lực và yếu tố thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sau khi chuyển sang Công ty cổ phần.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động thêm vốn các nhà đầu tư và vốn xã hội vào đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, kinh doanh; sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đổi mới về phương thức quản trị doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển thị trường; thực hiện mục tiêu Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn và phát triển bền vững.
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm và quyền lợi của người lao động, cổ đông, đại diện chủ sở hữu, các cấp quản trị doanh nghiệp - đạt được mục tiêu kinh doanh có hiệu quả; tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động; góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

2. Điều kiện cổ phần hóa

- Công ty TNHH một thành viên Lê Ninh-Quảng Bình luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Bình, các Cơ quan ban ngành tỉnh và luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện của các địa phương trên địa bàn Công ty dừng chân. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần;
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để;
- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá với mong muốn tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lệ Ninh-Quảng Bình là **“Bán bớt phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, kết hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”**.

4. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Vốn điều lệ, căn cứ xác định vốn điều lệ

Giá trị thực tế Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 là **153.694.596.859** đồng.

Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả là **66.740.936.107** đồng;
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước là **86.953.660.752** đồng (*Bằng chữ: Tám mươi sáu tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm năm mươi hai đồng*).

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa.
- Kế hoạch đầu tư và khả năng tự tài trợ vốn của Công ty cho các kế hoạch đầu tư.
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty.
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

Vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến : **100.000.000.000** đồng

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số cổ phần : 10.000.000 cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ

Công ty TNHH một thành viên Lệ Ninh - Quảng Bình đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức 65% vốn điều lệ tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ là 6.500.000 cổ phần, tương đương 65.000.000.000 đồng tính theo mệnh giá. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

Bảng số 14: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn nhà nước Chủ sở hữu: UBND tỉnh Quảng Bình	6.500.000	65.000.000.000	65%

2	Bán ưu đãi cho CBCNV	669.300	6.693.000.000	6,69%
2.1	<i>Bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước</i>	669.300	6.693.000.000	6,69%
2.2	<i>Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần</i>	0	0	0
3	Bán cho Công đoàn Công ty	200.000	2.000.000.000	2%
4	Bán cho Cổ đông chiến lược	0	0	0
5	Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài (IPO)	2.630.700	26.307.000.000	26,31%
	Tổng cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình)

5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên gọi đầy đủ của Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
- Tên tiếng Anh: LENINH JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: LENINH JSC
- Địa chỉ Trụ sở chính: Thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.
- Điện thoại: 0232.3996215 Fax : 0232.3996211
- Website: www.leninh.vn

6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

- Sản xuất và kinh doanh cao su tự nhiên (trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su tự nhiên);
- Kinh doanh buôn bán mủ cao su tự nhiên;
- Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật-dự toán, giám sát và thi công các công trình liên quan đến trồng mới, chăm sóc cao su; Chuyển giao công nghệ và các tiến bộ KHKT thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

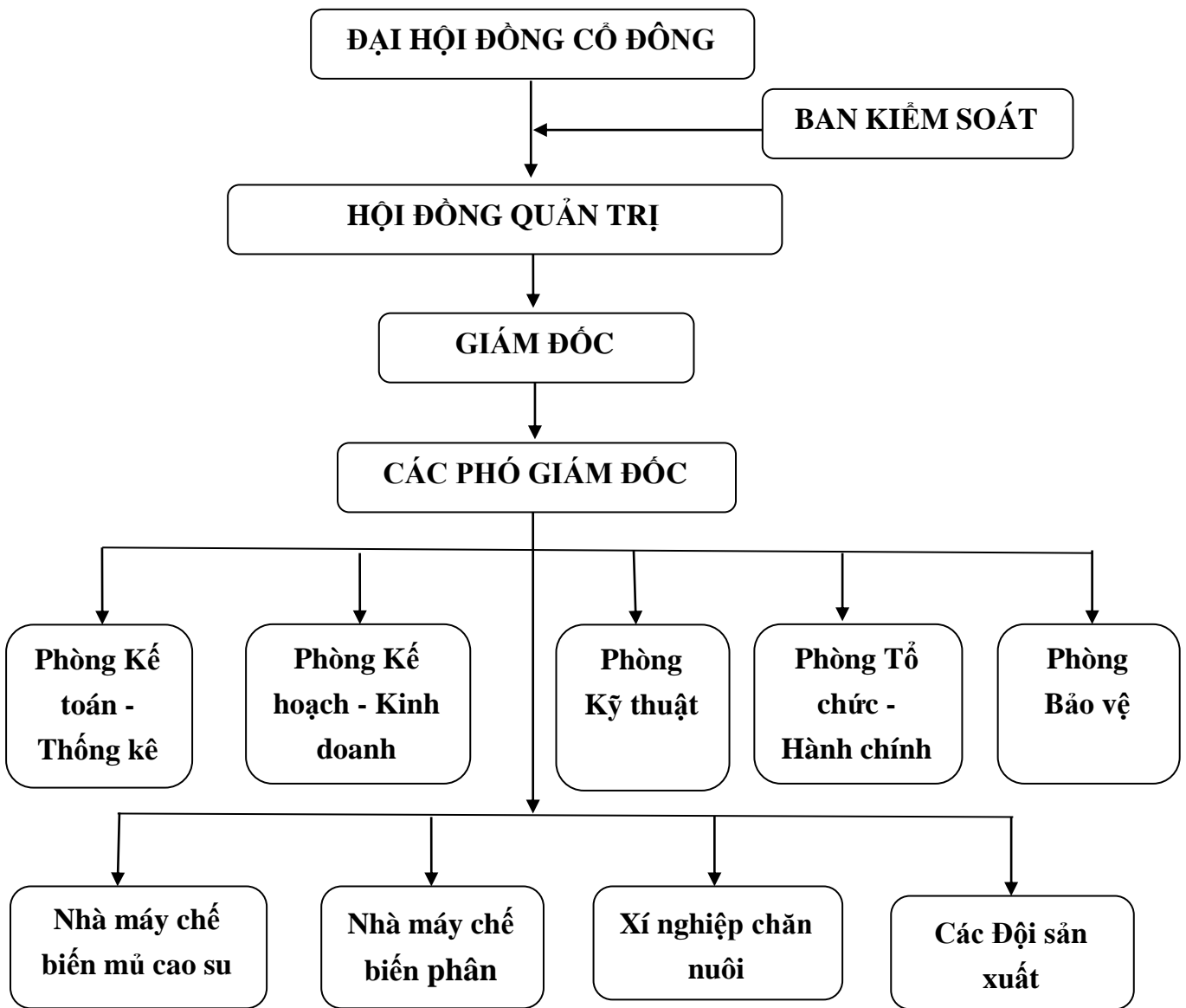
Ngành nghề sản xuất kinh doanh phụ:

- Chế biến gỗ (cao su, rừng trồng sản xuất);
- Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Chăn nuôi lợn và cung cấp con giống;

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Sản xuất nước lọc tinh khiết;
- ✚ **Ngành nghề sản xuất kinh doanh bổ sung sau cổ phần hóa:**
 - Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng (sản xuất đá xây dựng, gạch tuynet);
 - Sản xuất cây dược liệu (cây sả, cây nghệ, cây đinh lăng);
 - Chế biến tinh dầu sả;
- ✚ **Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.**

7. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức Công ty sau khi cổ phần hóa



Công ty cổ phần Lệ Ninh hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp,

dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

– **Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

– **Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị có 5 thành viên. Hội đồng quản trị bầu một thành viên làm Chủ tịch.

– **Ban kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có 3 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

– **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, là người đại diện theo pháp luật đồng thời là Chủ tài khoản của Công ty. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

– **Ban Giám đốc Công ty**

Giám đốc là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về các quyết định của mình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, liên doanh liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

– **Các phòng ban chức năng**

- + Phòng Tổ chức-Hành chính;
- + Phòng Kế toán-Thống kê;
- + Phòng Kế hoạch-Kinh doanh;
- + Phòng Khoa học-Kỹ thuật;
- + Phòng Bảo vệ.

– **Các đơn vị trực thuộc Công ty**

- + Các Đội chuyên sản xuất cây cao su;
- + Nhà máy Chế biến mủ cao su;
- + Nhà máy Chế biến phân bón;
- + Xí nghiệp chăn nuôi;

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu phát triển sản xuất

Thực hiện Quyết định số 3788/QĐ-UBND, ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện cổ phần hóa các Công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, Công ty TNHH một thành viên Lệ Ninh-Quảng Bình đặt ra các mục tiêu cơ bản cho chiến lược phát triển của Công ty sau khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần như sau:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Lệ Ninh-Quảng Bình mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao hơn;
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi. Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp;
- Nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặt hàng của các đối tác. Thông qua hợp tác đầu tư để nâng cao trình độ quản lý, thay đổi công nghệ sản xuất;
- Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý, nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động;
- Định hình và phát triển văn hóa Công ty theo mô hình Công ty cổ phần;

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và khuyến khích các hoạt động sáng tạo để đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đưa vị thế doanh nghiệp lên tầm cao hơn, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế;
- Mở rộng thêm nghề sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở lợi thế hiện có của Công ty, với mục đích tạo doanh thu, lợi nhuận cho Doanh nghiệp và tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập ổn định cho người lao động.

Định hướng phát triển

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh.

- **Về sản phẩm:** Phát triển đa dạng hóa sản phẩm. Ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ thuật cao. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm mà Công ty có tiềm năng và lợi thế.
- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết phát triển sản xuất kinh doanh.
- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.
- **Về đầu tư:** Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.
- **Về nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 - 2021

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh trong 04 năm 2013 - 2016 và các năm trước cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 - 2021 với các chỉ tiêu như sau:

Bảng số 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2017 - 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Ngành sản xuất chính						
1.1	Tổng diện tích	Ha	2.050	2.250	2.350	2.400	2.500
	<i>Diện tích cao su khai thác theo thiết kế</i>	<i>Ha</i>	<i>1.100</i>	<i>1.150</i>	<i>1.200</i>	<i>1.250</i>	<i>1.300</i>
	<i>Diện tích cao su KTCB</i>	<i>Ha</i>	<i>950</i>	<i>1.100</i>	<i>1.150</i>	<i>1.150</i>	<i>1.200</i>
1.2	Sản lượng mủ khô chế biến	Tấn	1.050	1.100	1.150	1.250	1.350
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	48.200	53.000	58.000	63.000	69.000
2.1	<i>Doanh thu từ sản mủ cao su</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>39.000</i>	<i>44.000</i>	<i>48.500</i>	<i>53.000</i>	<i>59.000</i>
2.2	<i>Doanh thu từ các ngành nghề khác</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>9.200</i>	<i>9.000</i>	<i>9.500</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	47.700	51.600	55.200	58.500	63.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	500	1.400	2.800	4.500	6.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	400	1.120	2.240	3.600	4.800
5.1	<i>Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>60</i>	<i>168</i>	<i>336</i>	<i>540</i>	<i>720</i>
5.2	<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>20</i>	<i>56</i>	<i>112</i>	<i>180</i>	<i>240</i>
5.3	<i>Trả cổ tức (bao gồm cả phần vốn nhà nước)</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>300</i>	<i>500</i>	<i>500</i>	<i>600</i>	<i>800</i>
5.4	<i>Lợi nhuận để lại tái đầu tư</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>20</i>	<i>396</i>	<i>1.292</i>	<i>2.280</i>	<i>3.040</i>
6	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	1.500	2.000	2.500	3.000	4.000
7	Số lượng lao động	Người	626	676	690	700	706
8	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	27.000	29.300	32.050	33.500	36.000
9	BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng	8.950	9.132	9.262	9.340	9.500
10	Tiền lương bình quân (tháng)	Triệu đồng	83,8	4,3	4,6	4,8	5,1
11	Tỷ lệ cổ tức	%	0,3	0,5	0,5	0,6	0,8
12	Vốn điều lệ	Triệu đồng	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình)

3. Kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản sau cổ phần hóa

Căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh sau cổ phần hóa và nhu cầu thị trường trong những năm tới, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa như sau:

Bảng số 16: Kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản sau cổ phần hóa

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Cộng	Nguồn vốn
1	Đầu tư trồng mới và chăm sóc diện tích cao su KTCB	11.300	12.500	13.500	15.500	16.500	69.300	Vốn vay và tự có
2	Sản xuất cây dược liệu; xây dựng nhà xưởng và chuyển giao công nghệ máy móc, thiết bị chung cất tinh dầu sả	1.000	500	500	500	500	3.000	Vốn hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KHTU (chương trình NTMN) và vốn tự có
3	Xây dựng hệ thống nhà xưởng, dây chuyền sản xuất đá xây dựng		9.000	5.000	2.000		16.000	Vốn vay và tự có
4	Cải tiến công nghệ, nâng cấp các dây chuyền sản xuất mũ cao su, nhà xưởng sản xuất hiện có	500	500	500	1.000	1.500	4.000	Vốn tự có
5	Đầu tư xây dựng đường nội vùng và xây dựng khác	2.000	1.500	1.500	1.500	1.500	8.000	Vốn tự có
6	Mua mới xe 7-16 chỗ	1.200				1.500	2.700	Vốn tự có

7	Xây dựng khu thổ cư đội Quyết Tiến	1.500	1.000				2.500	Vốn tự có
Tổng cộng		17.500	25.000	21.000	20.500	21.500	105.500	

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình)

4. Kế hoạch sử dụng lao động 05 năm sau cổ phần hóa

Bảng số 17: Kế hoạch sử dụng lao động 05 năm sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lao động		626	676	690	700	706
1	Lao động phân theo trình độ					
1.1	Đại học	54	60	65	65	75
1.2	Cao đẳng	5	5	3	3	3
1.3	Trung cấp	16	16	12	8	4
1.4	Khác	551	595	610	624	624
2	Lao động phân theo tính chất công việc	626	676	690	700	706
2.1	Lao động gián tiếp, phục vụ	75	81	76	76	76
2.2	Lao động trực tiếp	551	595	614	624	630

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình)

5. Biện pháp thực hiện sau cổ phần hóa

5.1. Giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy

Sau khi cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Việc thành lập HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về công ty cổ phần. Cơ sở hoạt động của công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty;

- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch, dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa;
- Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

5.2. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

✚ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ

Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:

- Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Quan hệ nội bộ Công ty;
- Quan hệ giữa Công ty với các công ty thành viên;
- Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.

✚ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử

- dụng văn bản điện tử; phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật;
- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên;
 - Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý kế toán, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác;
 - Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy;
 - Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Công ty.

5.3. Giải pháp về nguồn nhân lực

✚ Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực

Việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng nhân sự gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

– *Về phân công lao động hợp lý:*

Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên, việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.

– *Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động:*

Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:

- + Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- + Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.
- + Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.
- + Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được cống hiến và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động. Thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tạo sân chơi lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần trong CBCNV. Tăng cường hơn nữa công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống các loại dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, nhất là đối với những người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, có sáng kiến cải tiến công cụ, phương pháp làm việc. Xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của Công ty.

Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Công ty cần xem xét thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh;
- Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm;
- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, Công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

🚩 Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường, Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Công ty;
- Chú trọng việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin vào công tác quản lý nguồn nhân lực, tổ chức sắp xếp lại lao động giảm tỉ lệ quản lý, nhất là việc áp dụng phần mềm vào công tác quản lý kế toán, tiền lương, đất đai, vườn cây nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty trước tình hình mới;
- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.

🚩 Thu hút và sử dụng nhân tài

- Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển, có chuyên ngành đào tạo thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Công ty; công nhân kỹ thuật có tay nghề cao;
- Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh;
- Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài, xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những công trình nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao;
- Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, có trình độ chuyên môn một nghiệp vụ và năng lực trong quản lý, điều hành công việc được giao đạt chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:

- + Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- + Được ưu tiên tạo điều kiện về nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ;
- + Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Công ty.

5.4. Giải pháp về vốn và tài chính

Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính

Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Công ty sẽ phát huy các nguồn vốn sau để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ:

- Thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính của Công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh khi cần thiết;
- Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính;
- Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Điều chuyển nội bộ để sử dụng hợp lý hơn; thanh lý, bán bớt những máy móc thiết bị không còn phù hợp;
- Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất;
- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc;
- Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán, công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công khai và minh bạch.

Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí

- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...
- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh các định mức KTKT sao cho phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất, hạ giá thành sản phẩm;
- Hạn chế, tiết kiệm chi phí tiếp khách, chi phí đi công tác (giảm chi phí vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ...) và các chi phí khác;
- Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả;

- Rà soát bảo trì, bảo quản thiết bị dây chuyền chế biến; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa...
- Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan,... chưa thực sự cần thiết và chi tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

5.5. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Trong cơ chế thị trường, công nghệ là hàng hóa đặc biệt, nó sẽ giúp tạo ra đột phá trong việc giảm giá thành, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian sản xuất mang lại lợi thế to lớn trong việc giảm giá thành, Công ty tăng cường đầu tư về công nghệ để sở hữu công nghệ mới thông qua các hợp đồng mua bản quyền, hoặc chuyển giao công nghệ sản xuất có áp dụng công nghệ mới tiên tiến.
- Đối với công nghệ chuyển giao qua các hợp đồng mua sắm thiết bị, được cập nhật đầy đủ nội dung theo quy trình, khai thác cao nhất các yếu tố liên quan của công nghệ. Tiến hành rà soát lại số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có; đối chiếu với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để xác định nhu cầu và đẩy mạnh đầu tư mới thiết bị.
- Để tạo ra sự cạnh tranh hợp lý trong chiến lược kinh doanh. Công ty thường xuyên tìm kiếm các đối tác trong nước và nước ngoài để hợp tác liên doanh, liên kết tận dụng được kinh nghiệm sẵn có của đối tác để hình thành một liên danh có sức mạnh tổng hợp và có ưu thế trong sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện quy trình kỹ thuật phù hợp và linh hoạt, liên hệ chặt chẽ với Viện nghiên cứu cao su để đưa các ứng dụng mới về khai thác, chăm sóc, bảo vệ thực vật vào sản xuất để rút ngắn thời gian KTCB, tăng năng suất vườn cây, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Từng bước áp dụng chế độ cạo d/3, d/4 để tăng năng suất lao động, tăng tiền lương công nhân.
- Tăng cường công tác quản lý trồng mới, chăm sóc và khai thác vườn cây cao su đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo chất lượng nguyên liệu từ vườn cây đến nhà máy. Đầu tư thâm canh vườn cây hợp lý từ khâu chăm sóc, bón phân đến bảo vệ thực vật. Tìm tòi, học tập, cập nhật, áp dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến trong việc trồng mới chăm sóc vườn cây tái canh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương làm tốt công tác phòng chống mất cắp mủ, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn Công ty trú đóng.
- Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư và đổi mới công nghệ hiện đại, cải tiến kỹ thuật, tăng cường kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu tuyển chọn nguyên liệu, chế biến, bảo quản lưu kho nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

5.6. Giải pháp về thị trường

- Thường xuyên đa dạng hóa về chủng loại sản phẩm hàng hóa, với các loại sản phẩm đã xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh;
- Đổi mới công nghệ để hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định;
- Cải tiến bao bì, nhãn mác, logo,...
- Tham gia các hội chợ triển lãm để giới thiệu tiềm năng, sản phẩm của Công ty, kêu gọi hợp tác đầu tư;
- Trước mắt xác định thị trường nội địa là chiến lược xuyên suốt để tiêu thụ sản phẩm và hướng tới thị trường xuất khẩu sản phẩm mù cao su;
- Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác Marketing, công tác dự báo, nghiên cứu thị trường. Xây dựng mạng lưới các đại lý phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

5.7. Các giải pháp khác

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao hơn nữa tinh thần làm chủ ý thức trách nhiệm trong đội ngũ CBCNV: thường xuyên tiếp cận, truyền tải thông tin đến toàn thể người lao động về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các phương án, cơ chế tổ chức và quản lý, nội qui, quy chế của doanh nghiệp, giải thích vận động cho họ hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình trước Công ty, trước Nhà nước từ đó tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của Công ty;
- Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực phấn đấu thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác;
- Tăng cường mối quan hệ với các địa phương, các ban ngành và cơ quan cấp trên để tranh thủ sự lãnh đạo và tạo điều kiện giúp đỡ, tăng cường sức mạnh ngoại lực để tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ đã đề ra.

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Kể từ khi tiến hành đổi mới, mở cửa để hội nhập với thế giới với việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tham gia một loạt các Hiệp định song phương, đa phương thì những biến động của nền kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam.

Trong năm 2016, đà tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu đã chậm hơn so với mức kỳ vọng do sự giảm sút của các nền kinh tế công nghiệp hóa lẫn các nước đang phát triển sống nhờ vào xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu. Việt Nam cũng không nằm ngoài ảnh hưởng tiêu cực, đặc biệt là từ việc đồng USD tăng giá trong gần nửa cuối năm 2016. Bên cạnh đó, vào tháng 4 năm 2016, Việt Nam bị sự cố môi trường biển tại các tỉnh miền

Trung và vùng Châu thổ Cửu Long bị hạn hán nghiêm trọng. Chính nạn ô nhiễm này cùng với thông tin TPP sẽ không được thông qua đã khiến giới đầu tư nước ngoài ngần ngại khi đầu tư vào thị trường Việt Nam trong tương lai và dẫn đến dòng vốn bị rút ròng.

Về tổng thể, năm 2017, nền kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục thuộc nhóm có tốc độ tăng GDP cao hàng đầu khu vực, cân đối vĩ mô vẫn sẽ được bảo đảm, dự trữ ngoại tệ được bảo tồn. Quốc hội đã thông qua chỉ tiêu GDP năm 2017 phải tăng khoảng 6,7%, tốc độ giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 6 - 7%. Tuy nhiên, đi kèm với việc tăng trưởng nhanh là áp lực lạm phát cũng sẽ gia tăng trong năm 2017. Ngoài ra, khả năng nhu cầu nông sản và giá nông sản thế giới được dự báo sẽ phục hồi cũng góp phần làm tăng giá hàng lương thực, trong khi kỳ vọng mang lại lợi ích cho nông dân và hoạt động xuất khẩu nông sản.

2. Rủi ro pháp lý

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành có ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Sau khi cổ phần hóa, hoạt động của Công ty vừa chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp Việt Nam chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện mới, các nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn cũng chưa thật đầy đủ, thị trường chứng khoán là lĩnh vực còn rất mới mẻ mà Doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư chưa thực sự am hiểu để thực hiện đúng. Do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Theo báo cáo của Tổ chức Nông Lương Liên hiệp quốc (FAO) hiện nay nhiệt độ trái đất tăng bình quân hàng năm là 0,5°C, nhiều sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, không chỉ về sản lượng mà cả về chất lượng. Hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp đến sự biến đổi khí hậu, thời tiết do xu thế chuyển đổi rừng tự nhiên sang rừng trồng nên: Lượng mưa giảm, xói mòn tăng, nước mặt, nước ngầm ngày càng khan hiếm... Lốc xoáy ngày càng phổ biến làm thiệt hại tài sản vườn cây, các công trình xây dựng không kiên cố (trạm, trại...). Do vậy, trước những rủi ro biến đổi khí hậu cần có giải pháp về giống cây trồng, phương pháp kỹ thuật và nhiều động thái góp phần cải tạo môi trường sống.

Tỷ trọng cao su già cỗi cao su Việt Nam ở vùng trồng truyền thống hiện đang ở mức cao dẫn đến năng suất, chất lượng sản phẩm khai thác sụt giảm. Cùng với đó là giá

cao su xuống thấp trong những năm trước đó đã khiến xảy ra tình trạng cạnh tranh đất tái canh cao su với cây trồng khác ở các địa phương.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Trong giai đoạn 2015 - 2016, Thủ tướng Chính phủ đang đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nên nguồn cung cổ phiếu tăng mạnh. Chính điều này đã tạo nên áp lực thị trường khó hấp thụ được hết số cổ phần chào bán. Mặt khác, quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phần mà mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và tâm lý của nhà đầu tư. Bên cạnh đó do hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều. Do đó, Công ty chịu áp lực rủi ro đợt chào bán không phân phối hết số cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty chưa được đưa vào giao dịch tập trung nên tính thanh khoản thấp hơn so với các Công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch. Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động của Công ty TNHH một thành viên Lệ Ninh-Quảng Bình, công đoàn Công ty và nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá theo quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1329/QĐ-UBND ngày 21/04/2017.

2. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

2.1 Bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước

Căn cứ pháp lý:

– Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Danh sách lao động của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/02/2017;
- Biên bản họp Hội nghị người lao động ngày 04/3/2017;

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (27/02/2017) là 606 lao động. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ - CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Sổ Bảo hiểm lao động của người lao động, Công ty TNHH một thành viên Lệ Ninh-Quảng Bình đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- + Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp : 606 lao động
- + Tổng số lao động mua cổ phần ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước : 606 lao động
- + Tổng số lao động không được mua hoặc không mua cổ phần ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước : 0 lao động
- + Tổng số năm công tác trong khu vực nhà nước : 6.693 năm
- + Tổng số cổ phần tối đa được mua ưu đãi : 669.300 cổ phần
- + Tổng số cổ phần đăng ký mua ưu đãi thực tế : 669.300 cổ phần
- + Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

- + Giá bán: : **60%** giá bán đấu giá thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai
- + Thời gian thực hiện dự kiến : Quý 2/2017

2.2. Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 59/NĐ-CP thì Công đoàn cơ sở doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ.

Công đoàn công ty đăng ký mua 2% tương ứng 200.000 cổ phần, giá trị 2 tỷ đồng.

2.3. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

- Tổng số cổ phần bán đấu giá : **2.630.700 cổ phần** (*trương ứng với 26.307.000.000 đồng chiếm 26,31% Vốn điều lệ Công ty cổ phần*)
- Giá khởi điểm đề xuất : **10.000 đồng/cổ phần**
- Thời gian bán đấu giá : Dự kiến Quý 2/2017
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Số 02, Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (*Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ*)
- Giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty : Khi chuyển sang công ty cổ phần, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123 ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các ngành nghề kinh doanh của công ty không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua tối đa số lượng cổ phần bán đấu giá.

3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Các Nhà đầu tư mua cổ phần thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định:

- Nhà đầu tư tham gia đấu giá: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình;
- Người lao động và công đoàn Công ty: thanh toán tiền mua cổ phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông báo của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá bán là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Bảng số 18: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước	(1)			86.953.660.752
Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước làm tròn	(2)			86.953.660.000
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(3)			100.000.000.000
Vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần	(4)			65.000.000.000
Giá trị phần vốn Nhà nước bán bớt tính theo mệnh giá	(5)			21.953.660.000
Giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá	(6)=(3)-(4)-(5)			13.046.340.000
Số tiền thu được từ CPH	(7)=(8)+ (9)+ (10) +(11)			31.522.800.000

Bán cho CBCNV	(8)=(8.1)+(8.2)	669.300		4.015.800.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước	(8.1)	669.300	6.000	4.015.800.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	(8.2)	-	10.000	-
Bán cho công đoàn	(9)	200.000	6.000	1.200.000.000
Bán cho đối tác chiến lược	(10)	-	10.000	-
Bán đấu giá lần đầu	(11)	2.630.700	10.000	26.307.000.000
Số tiền để lại Công ty	(12)=(6)			13.046.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	(13)=(7)-(6)-(5)			-
Số tiền chênh lệch giữa Vốn Nhà nước và Vốn nhà nước làm tròn	(14)=(1)-(2)			752
Chi phí cổ phần hóa	(15)			500.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(16)			1.300.340.037
Số tiền giữ lại CTCP				13.046.340.000
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				16.676.120.715

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình)

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình

Ông: Trần Anh Tuấn - Phó giám đốc Sở tài chính - Phó Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình.

(Theo ủy quyền số 74/UQ- BCD ngày 29/05/2017 của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa)

Cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt.

2. Đại diện Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình

Ông: Nguyễn Ngọc Sơn - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình.

3. Đại diện Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người đại diện : Bà Trần Thị Thu Hương

Chức danh : Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình.

V. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Khi đăng ký bán đấu giá lần đầu qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ đồng thời thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định tại Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên.

Quảng Bình, ngày 29 tháng 5 năm 2017

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**

(Đã ký)

TRẦN ANH TUẤN

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH LỆ NINH - QUẢNG BÌNH
CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

NGUYỄN NGỌC SƠN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

TRẦN THỊ THU HƯƠNG